

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

---

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-40
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-40

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiên Lên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiên Lên được chuyển đổi từ Công ty TNHH Tiên Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Quang	Ủy viên
Bà Phạm Thị Hồng	Ủy viên
Ông Dương Quang Bình	Ủy viên
Ông Đặng Tuấn Đại	Ủy viên

Các thành viên của Ban điều hành đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Kim Loan	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Hồng Liễu	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 12/03/2017
Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 12/03/2017
Bà Trương Thị Thu Hiền	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 12/03/2017
Bà Lê Thị Hồng Liễu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12/03/2017
Bà Cao Thị Hoài Thu	Thành viên	

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban điều hành



Nguyễn Mạnh Hà

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Nai, ngày 01 tháng 03 năm 2018



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được lập ngày 01 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>845.276.403.957</b>	<b>642.698.974.583</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>66.901.139.664</b>	<b>54.392.577.904</b>
111	1. Tiền		46.324.823.661	31.867.475.285
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.576.316.003	22.525.102.619
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>5.311.758.479</b>	<b>9.820.740.025</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		7.302.926.035	15.964.175.886
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.991.167.556)	(6.143.435.861)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>313.684.587.680</b>	<b>109.373.920.310</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	281.982.923.586	99.308.382.902
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	30.516.605.375	5.586.446.683
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		2.500.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	729.731.163	4.479.090.725
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.044.672.444)	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>455.062.211.667</b>	<b>464.532.105.409</b>
141	1. Hàng tồn kho		459.286.778.543	479.390.736.713
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.224.566.876)	(14.858.631.304)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.316.706.467</b>	<b>4.579.630.935</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		43.125.004	3.072.725
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.273.581.463	4.576.558.210
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>874.495.345.973</b>	<b>875.029.916.654</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>108.058.809.259</b>	<b>110.681.687.859</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	40.810.963.852	44.187.643.232
222	- Nguyên giá		68.746.370.442	69.683.201.367
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.935.406.590)	(25.495.558.135)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	67.247.845.407	66.494.044.627
228	- Nguyên giá		67.623.145.627	66.577.544.627
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(375.300.220)	(83.500.000)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>13</b>	<b>26.005.034.255</b>	-
231	- Nguyên giá		26.005.034.255	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>55.919.307.748</b>	<b>79.731.794.695</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		55.919.307.748	79.731.794.695
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>684.490.228.801</b>	<b>684.490.228.801</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		511.690.228.801	511.690.228.801
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		172.800.000.000	172.800.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>21.965.910</b>	<b>126.205.299</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		21.965.910	126.205.299
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.719.771.749.930</b>	<b>1.517.728.891.237</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>628.409.491.995</b>	<b>510.175.706.468</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>628.409.491.995</b>	<b>510.175.706.468</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	156.555.256.513	76.989.217.760
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		244.900.224	2.818.135.275
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	9.162.798.473	12.025.563.602
314	4. Phải trả người lao động		1.836.495.000	2.264.441.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		969.401.777	617.112.527
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.016.893.234	939.180.831
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	456.951.891.523	412.565.677.222
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.671.855.251	1.956.378.251
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.091.362.257.935</b>	<b>1.007.553.184.769</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>1.091.362.257.935</b>	<b>1.007.553.184.769</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		929.623.130.000	846.455.640.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		929.623.130.000	846.455.640.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		21.743.395.153	21.743.395.153
415	3. Cổ phiếu quỹ		(8.993.360.790)	(8.993.360.790)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		12.614.680.651	12.614.680.651
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		136.374.412.921	135.732.829.755
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(30.620.224.245)	(47.792.612.925)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		166.994.637.166	183.525.442.680
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.719.771.749.930</b>	<b>1.517.728.891.237</b>

  
  


Đỗ Thị Kim Dung  
Người lậpĐào Thị Kim Loan  
Kế toán trưởngNguyễn Mạnh Hà  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Nai, ngày 01 tháng 03 năm 2018





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	2.640.398.029.502	2.051.278.547.050
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	688.319.235	5.714.248
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.639.709.710.267	2.051.272.832.802
11	4. Giá vốn hàng bán	22	2.413.919.655.846	1.798.049.537.098
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		225.790.054.421	253.223.295.704
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	54.692.243.877	3.674.954.399
22	7. Chi phí tài chính	24	28.585.370.587	1.059.444.623
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		31.787.270.837	22.766.813.342
25	8. Chi phí bán hàng	25	28.853.706.247	25.378.492.289
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17.337.353.588	12.344.035.112
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		205.705.867.876	218.116.278.079
31	11. Thu nhập khác	27	501.022.347	1.092.514.668
32	12. Chi phí khác	28	4.143.873.803	165.871.219
40	13. Lợi nhuận khác		(3.642.851.456)	926.643.449
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		202.063.016.420	219.042.921.528
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	35.068.379.254	35.517.478.848
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>166.994.637.166</u>	<u>183.525.442.680</u>

*Đỗ Thị Kim Dung*  
Người lập

*Đào Thị Kim Loan*  
Kế toán trưởng

*Nguyễn Mạnh Hà*  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Nai, ngày 01 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		202.063.016.420	219.042.921.528
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.668.479.600	3.426.819.491
03	- Các khoản dự phòng		(12.741.660.289)	(53.970.911.856)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.573.995	(44.943.691)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(51.439.212.396)	(1.813.016.078)
06	- Chi phí lãi vay		31.787.270.837	22.766.813.342
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		173.340.468.167	189.407.682.736
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(206.062.859.964)	547.430.825
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		20.103.958.170	(169.541.514.987)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		79.723.181.296	(5.463.089.174)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		64.187.110	418.268.875
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		8.661.249.851	6.926.961.430
14	- Tiền lãi vay đã trả		(31.434.981.587)	(22.571.538.124)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(41.013.447.574)	(21.622.305.493)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(284.523.000)	(138.020.220)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.097.232.469	(22.036.124.132)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.238.148.308)	(4.752.791.348)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		90.909.091	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		51.356.381.204	1.791.127.744
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		48.209.141.987	(2.961.663.604)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.407.505.176.984	1.345.113.140.185
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.363.118.962.683)	(1.310.347.859.371)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(83.183.872.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(38.797.657.699)	34.765.280.814
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12.508.716.757	9.767.493.078



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

*Năm 2017*

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		54.392.577.904	44.622.743.502
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(154.997)	2.341.324
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>66.901.139.664</u>	<u>54.392.577.904</u>

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*



**Đỗ Thị Kim Dung**  
Người lập

**Đào Thị Kim Loan**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Mạnh Hà**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

*Đồng Nai, ngày 01 tháng 03 năm 2018*



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Năm 2017*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được chuyển đổi từ Công TNHH Tiến Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 929.623.130.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 929.623.130.000 đồng; tương đương 92.962.313 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Buôn bán vật liệu xây dựng, trong đó sản phẩm chủ yếu là các sản phẩm về sắt thép.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, nhôm, đồng nguyên liệu;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình công ích;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa; dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; luyện gang, thép;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: bán buôn vật liệu xây dựng, gỗ cây và gỗ chế biến (không chứa hàng tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: gia công cơ khí, (trừ xi mạ - không gia công tại trụ sở).

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.



*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc khi nhận góp vốn; là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 07	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Phần mềm máy tính	03	năm
- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn		Không trích khấu hao

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc và cơ sở hạ tầng	05 - 30	năm
- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn		Không trích khấu hao

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.17 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

**2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.19 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

### 2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### 2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	137.512.373	138.010.100
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	46.187.311.288	31.729.465.185
Các khoản tương đương tiền (*)	20.576.316.003	22.525.102.619
	<u>66.901.139.664</u>	<u>54.392.577.904</u>

(\*) Tại 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng có giá trị 20.576.316.003 đồng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,3 %/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THẾP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>- Tổng giá trị cổ phiếu</b>	<b>7.302.926.035</b>	<b>5.456.129.500</b>	<b>(1.991.167.556)</b>	<b>15.964.175.886</b>	<b>9.820.856.860</b>	<b>(6.143.435.861)</b>
Công ty Cổ phần Kinh Đô	-	-	-	3.493.732.750	2.544.500.000	(949.232.750)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	-	-	-	2.728.887.200	1.259.600.000	(1.469.287.200)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh địa ốc Tân Kỳ	-	-	-	2.067.065.000	1.588.125.000	(478.940.000)
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	1.580.867.750	967.500.000	(613.367.750)	1.580.867.750	1.005.750.000	(575.117.750)
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Tân Tạo	1.264.393.750	586.800.000	(677.593.750)	1.112.666.500	518.700.000	(593.966.500)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	1.637.076.938	1.470.000.000	(167.076.938)	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	791.435.375	892.800.000	-	-	-	-
Cổ phiếu khác	2.029.152.222	1.539.029.500	(533.129.118)	4.980.956.686	2.904.181.860	(2.076.891.661)
	<b>7.302.926.035</b>	<b>5.456.129.500</b>	<b>(1.991.167.556)</b>	<b>15.964.175.886</b>	<b>9.820.856.860</b>	<b>(6.143.435.861)</b>

(\*) Giá trị hợp lý của Chứng khoán niêm yết được xác định bằng giá trị thị trường của chứng khoán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>511.690.228.801</b>	-	-	<b>511.690.228.801</b>	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc	115.000.000.000	-	-	115.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH Thép Tây Nguyên	156.726.500.000	-	-	156.726.500.000	-	-
- Công ty TNHH Một thành viên Thép Phúc Tiến	239.963.728.801	-	-	239.963.728.801	-	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>172.800.000.000</b>	-	-	<b>172.800.000.000</b>	-	-
- Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	172.800.000.000	-	-	172.800.000.000	-	-
	<b>684.490.228.801</b>	-	-	<b>684.490.228.801</b>	-	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Thông tin về đầu tư góp vốn vào đơn vị khác****Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc	Thành phố Hồ Chí Minh	95,83%	95,83%	Sản xuất và kinh doanh thép
Công ty TNHH Thép Tây Nguyên	Thành phố Hồ Chí Minh	97,35%	97,35%	Sản xuất và kinh doanh thép
Công ty TNHH Một thành viên Thép Phúc Tiến	Thành phố Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh thép

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Tỉnh Đồng Nai	48,00%	48,00%	Sản xuất và kinh doanh thép

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 34.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	37.599.624.019	13.530.416.261
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	74.395.779.668	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc	33.667.451.246	-
Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến	34.627.908.858	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	101.692.159.795	85.777.966.641
	<b>281.982.923.586</b>	<b>99.308.382.902</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>190.582.307.061</b>	<b>18.045.285.151</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.		

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	2.666.143.981	-	4.805.486.090	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc	22.426.757.271	-	-	-
Công ty TNHH Thép Tây Nguyên	3.636.214.733	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	1.787.489.390	(114.118.000)	780.960.593	-
	<b>30.516.605.375</b>	<b>(114.118.000)</b>	<b>5.586.446.683</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	53.059.332	-	61.137.231	-
Tạm ứng	569.256.000	-	4.407.441.400	-
Phải thu khác	107.415.831	-	10.512.094	-
	<b>729.731.163</b>	<b>-</b>	<b>4.479.090.725</b>	<b>-</b>

**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Quang Thu	1.150.554.444	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Khải Minh	540.000.000	-	-	-
- Các khoản khác	354.118.000	-	-	-
	<b>2.044.672.444</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.628.490	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	216.434.804	-	280.189.349	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.727.917.922	-	1.727.917.922	-
Hàng hoá	457.325.797.327	(4.224.566.876)	477.382.629.442	(14.858.631.304)
	<b>459.286.778.543</b>	<b>(4.224.566.876)</b>	<b>479.390.736.713</b>	<b>(14.858.631.304)</b>

*Trong đó:*

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 148.370.056.313 đồng.

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>55.919.307.748</b>	<b>79.196.794.695</b>
- Xây dựng chi nhánh tại Long Thành (*)	55.919.307.748	55.919.307.748
- Xây dựng nhà kho tại Đà Nẵng	-	23.277.486.947
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>-</b>	<b>535.000.000</b>
- Chi phí mua phần mềm máy tính	-	535.000.000
	<b>55.919.307.748</b>	<b>79.731.794.695</b>

(\*) Dự án xây dựng nhà xưởng, cửa hàng kinh doanh quốc lộ 51 bao gồm nhà xưởng, văn phòng kinh doanh, kho hàng vận chuyển, trạm cân 100 tấn và các hạng mục phụ trợ tại địa chỉ Khu 2, Ấp 7, An Phước, Long Thành, Đồng Nai. Dự án được đầu tư bằng nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty và dự kiến sẽ hoàn thành trong quý 1 năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	41.680.807.170	2.394.427.688	24.610.585.097	733.510.909	263.870.503	69.683.201.367
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(936.830.925)	-	-	(936.830.925)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>41.680.807.170</b>	<b>2.394.427.688</b>	<b>23.673.754.172</b>	<b>733.510.909</b>	<b>263.870.503</b>	<b>68.746.370.442</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	6.439.648.603	2.254.511.426	16.041.080.444	496.447.159	263.870.503	25.495.558.135
- Khấu hao trong năm	1.102.235.639	103.527.516	2.109.041.225	61.875.000	-	3.376.679.380
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(936.830.925)	-	-	(936.830.925)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.541.884.242</b>	<b>2.358.038.942</b>	<b>17.213.290.744</b>	<b>558.322.159</b>	<b>263.870.503</b>	<b>27.935.406.590</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	35.241.158.567	139.916.262	8.569.504.653	237.063.750	-	44.187.643.232
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>34.138.922.928</b>	<b>36.388.746</b>	<b>6.460.463.428</b>	<b>175.188.750</b>	<b>-</b>	<b>40.810.963.852</b>

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 40.358.179.360 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.887.179.064 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	66.494.044.627	83.500.000	66.577.544.627
- Mua trong năm	-	1.045.601.000	1.045.601.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>66.494.044.627</b>	<b>1.129.101.000</b>	<b>67.623.145.627</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	83.500.000	83.500.000
- Khấu hao trong năm	-	291.800.220	291.800.220
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>375.300.220</b>	<b>375.300.220</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	66.494.044.627	-	66.494.044.627
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>66.494.044.627</b>	<b>753.800.780</b>	<b>67.247.845.407</b>

Trong đó:

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:  
66.494.044.627 đồng.

**13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cơ sở hạ tầng	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	10.783.345.700	8.125.242.617	7.096.445.938	26.005.034.255
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.783.345.700</b>	<b>8.125.242.617</b>	<b>7.096.445.938</b>	<b>26.005.034.255</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>10.783.345.700</b>	<b>8.125.242.617</b>	<b>7.096.445.938</b>	<b>26.005.034.255</b>

Bất động sản đầu tư mới đầu tư xây dựng hoàn thành trong năm là quyền sử dụng đất và nhà kho tại Xã Hòa Châu, Huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng với tổng diện tích 4.468m<sup>2</sup>.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Bright ruby resources Pte Limited	-	-	12.229.201.085	12.229.201.085
- Công ty TNHH Metal one Vietnam	67.306.398.101	67.306.398.101	22.580.029.942	22.580.029.942
- Công ty TNHH Sản Xuất và Thương mại Đại Phúc	-	-	8.399.918.847	8.399.918.847
- Công Ty TNHH Marubeni-Itochu Steel Việt Nam	63.298.881.456	63.298.881.456	32.341.574.252	32.341.574.252
- Công ty TNHH Posco SS - Vina	19.157.504.510	19.157.504.510	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	6.792.472.446	6.792.472.446	1.438.493.634	1.438.493.634
	<b>156.555.256.513</b>	<b>156.555.256.513</b>	<b>76.989.217.760</b>	<b>76.989.217.760</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	-	-	<b>8.934.862.779</b>	<b>8.934.862.779</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	71.652.145.894	71.652.145.894	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	45.316.133	45.316.133	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	11.923.956.278	38.103.767.166	41.013.447.574	-	9.014.275.870
Thuế Thu nhập cá nhân	-	101.607.324	4.429.009.183	4.382.093.904	-	148.522.603
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	4.177.877	4,177.877	-	-
Các loại thuế khác	-	-	9.000.000	9,000.000	-	-
	-	<b>12.025.563.602</b>	<b>114.243.416.253</b>	<b>117.106.181.382</b>	-	<b>9.162.798.473</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	252.896.128	256.893.128
- Bảo hiểm xã hội	-	1.942.279
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.724.500	8.032.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	754.272.606	672.312.924
	<b>1.016.893.234</b>	<b>939.180.831</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**17 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>412.565.677.222</b>	<b>412.565.677.222</b>	<b>1.407.505.176.984</b>	<b>1.363.118.962.683</b>	<b>456.951.891.523</b>	<b>456.951.891.523</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công Nghiệp Biên Hòa	95.722.120.701	95.722.120.701	319.329.262.961	289.575.117.026	125.476.266.636	125.476.266.636
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	129.153.347.942	129.153.347.942	223.268.744.750	290.693.015.124	61.729.077.568	61.729.077.568
- Ngân hàng TMCP Quân đội	43.852.368.779	43.852.368.779	149.132.640.977	107.974.108.673	85.010.901.083	85.010.901.083
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Đồng Nai	8.781.000.000	8.781.000.000	166.472.428.253	160.483.000.000	14.770.428.253	14.770.428.253
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Đồng Nai	7.579.000.000	7.579.000.000	43.024.000.000	29.523.000.000	21.080.000.000	21.080.000.000
- Ngân Hàng VPBank - Chi nhánh Hồ Chí Minh	99.573.792.808	99.573.792.808	347.106.988.340	321.271.071.335	125.409.709.813	125.409.709.813
- Ngân hàng TMCP Á Châu Chi nhánh Đồng Nai (ACB)	12.356.000.000	12.356.000.000	124.671.000.000	115.566.000.000	21.461.000.000	21.461.000.000
- Vay tổ chức và cá nhân khác	15.548.046.992	15.548.046.992	34.500.111.703	48.033.650.525	2.014.508.170	2.014.508.170
	<b>412.565.677.222</b>	<b>412.565.677.222</b>	<b>1.407.505.176.984</b>	<b>1.363.118.962.683</b>	<b>456.951.891.523</b>	<b>456.951.891.523</b>

(\*) Các khoản vay ngắn hạn các Ngân hàng thương mại và các tổ chức cá nhân với lãi suất từ 6,3%/năm đến 7,7%/năm được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi, hàng tồn kho hình thành từ nguồn vốn vay, quyền sở hữu nhà, đất và một số tài sản đảm bảo khác



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	846.455.640.000	21.743.395.153	(8.993.360.790)	12.614.680.651	(47.792.612.925)	824.027.742.089
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	183.525.442.680	183.525.442.680
Số dư cuối năm trước	846.455.640.000	21.743.395.153	(8.993.360.790)	12.614.680.651	135.732.829.755	1.007.553.184.769
Số dư đầu năm nay	846.455.640.000	21.743.395.153	(8.993.360.790)	12.614.680.651	135.732.829.755	1.007.553.184.769
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	166.994.637.166	166.994.637.166
Trả cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	-	(83.185.564.000)	(83.185.564.000)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (**)	83.167.490.000	-	-	-	(83.167.490.000)	-
Số dư cuối năm nay	929.623.130.000	21.743.395.153	(8.993.360.790)	12.614.680.651	136.374.412.921	1.091.362.257.935

(\*) Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 bằng tiền cho các cổ đông với tỷ lệ 10% vốn điều lệ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2016/NQ-HDQT ngày 15 tháng 12 năm 2016.

(\*\*) Theo báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 02/2017/KQPH ngày 26 tháng 09 năm 2017:

- Số lượng cổ phiếu phát hành tăng thêm : 8.316.749 cổ phiếu;
- Tỷ lệ phát hành: 10% trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành;
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 83.167.490.000 đồng;
- Ngày giao dịch cổ phiếu phát hành theo chấp thuận niêm yết bổ sung của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là ngày 30/10/2017.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của các cổ đông khác	99,03%	920.629.769.210	98,94%	837.462.279.210
Ông Nguyễn Mạnh Hà	19,55%	181.779.840.000	19,52%	165.254.400.000
Bà Phạm Thị Hồng	11,35%	105.488.250.000	11,33%	95.898.420.000
Ông Nguyễn Văn Quang	9,44%	87.772.180.000	9,43%	79.792.900.000
Các cổ đông khác	58,69%	545.589.499.210	58,66%	496.516.559.210
Cổ phiếu quỹ	0,97%	8.993.360.790	1,06%	8.993.360.790
	<b>100%</b>	<b>929.623.130.000</b>	<b>100%</b>	<b>846.455.640.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	929.623.130.000	846.455.640.000
- Vốn góp đầu năm	846.455.640.000	846.455.640.000
- Vốn góp tăng trong năm	83.167.490.000	-
- Vốn góp cuối năm	929.623.130.000	846.455.640.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	166.353.054.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	166.353.054.000	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	92.962.313	84.645.564
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	92.962.313	84.645.564
- Cổ phiếu phổ thông	92.962.313	84.645.564
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.460.000	1.460.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.460.000	1.460.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	91.502.313	83.185.564
- Cổ phiếu phổ thông	91.502.313	83.185.564
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	12.614.680.651	12.614.680.651
	<b>12.614.680.651</b>	<b>12.614.680.651</b>

**19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại	31/12/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	3.632,80	712.797,61



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	2.638.710.765.922	2.050.272.059.976
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.687.263.580	1.006.487.074
	<b><u>2.640.398.029.502</u></b>	<b><u>2.051.278.547.050</u></b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)	<b><u>973.165.878.110</u></b>	<b><u>557.027.392.642</u></b>

**21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	673.039.136	3.968.849
Giảm giá hàng bán	15.280.099	1.745.399
	<b><u>688.319.235</u></b>	<b><u>5.714.248</u></b>

**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.424.553.720.274	1.830.010.764.117
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.634.064.428)	(31.961.227.019)
	<b><u>2.413.919.655.846</u></b>	<b><u>1.798.049.537.098</u></b>

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.170.667.384	1.067.201.778
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	28.341.121
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	2.105.583.332	565.677.851
Cổ tức, lợi nhuận được chia	50.177.635.921	745.814.300
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.238.357.240	1.222.968.053
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	44.943.691
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	7.605
	<b><u>54.692.243.877</u></b>	<b><u>3.674.954.399</u></b>

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	31.787.270.837	22.766.813.342
Lỗ do thanh lý chứng khoán kinh doanh	785.464.122	130.092.081
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	118.371.668	75.581.824
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.573.995	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(4.152.268.305)	(22.009.684.837)
Chi phí tài chính khác	43.958.270	96.642.213
	<b><u>28.585.370.587</u></b>	<b><u>1.059.444.623</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.709.089	121.443.625
Chi phí nhân công	7.599.410.021	6.856.165.723
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.144.713.557	1.545.115.279
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.905.405.173	3.885.014.419
Chi phí khác bằng tiền	13.147.468.407	12.970.753.243
	<b>28.853.706.247</b>	<b>25.378.492.289</b>

**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	258.478.131	359.397.927
Chi phí nhân công	5.870.906.898	6.343.195.059
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.523.766.043	1.881.704.212
Thuế, phí, lệ phí	9.000.000	9.000.000
Chi phí dự phòng	2.044.672.444	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.707.166.573	3.040.841.730
Chi phí khác bằng tiền	3.923.363.499	709.896.184
	<b>17.337.353.588</b>	<b>12.344.035.112</b>

**27 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	90.909.091	-
Thu tiền bồi thường hàng nhập khẩu	368.192.504	963.072.552
Thu nhập khác	41.920.752	129.442.116
	<b>501.022.347</b>	<b>1.092.514.668</b>

**28 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt	4.142.760.258	152.440.593
Chi phí khác	1.113.545	13.430.626
	<b>4.143.873.803</b>	<b>165.871.219</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	202.063.016.420	219.042.921.528
Các khoản điều chỉnh tăng	23.456.515.768	16.715.464.193
- Chi phí không hợp lệ	23.453.941.773	16.715.464.193
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	2.573.995	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(50.177.635.921)	(58.170.991.480)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(50.177.635.921)	(745.814.300)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	(1.879.063)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(57.423.298.117)
Thu nhập chịu thuế TNDN	175.341.896.267	177.587.394.241
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b><u>35.068.379.254</u></b>	<b><u>35.517.478.848</u></b>
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN hiện hành năm nay	3.035.387.912	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	11.923.956.278	(1.971.217.077)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(41.013.447.574)	(21.622.305.493)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b><u>9.014.275.870</u></b>	<b><u>11.923.956.278</u></b>

**30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Hoạt động của công ty chủ yếu là hoạt động thương mại, vì vậy Công ty không thuyết minh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, do đã thuyết minh các yếu tố của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Thuyết minh số 25 và Thuyết minh số 26.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.901.139.664	-	54.392.577.904	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	282.712.654.749	(1.930.554.444)	103.787.473.627	-
Các khoản cho vay	2.500.000.000	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	7.302.926.035	(1.991.167.556)	15.964.175.886	(6.143.435.861)
	<b>359.416.720.448</b>	<b>(3.921.722.000)</b>	<b>174.144.227.417</b>	<b>(6.143.435.861)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			456.951.891.523	412.565.677.222
Phải trả người bán, phải trả khác			157.572.149.747	77.928.398.591
Chi phí phải trả			969.401.777	617.112.527
			<b>615.493.443.047</b>	<b>491.111.188.340</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.



**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	5.311.758.479	-	-	5.311.758.479
	<u>5.311.758.479</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.311.758.479</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	9.820.740.025	-	-	9.820.740.025
	<u>9.820.740.025</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>9.820.740.025</u>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.901.139.664	-	-	66.901.139.664
Phải thu khách hàng, phải thu khác	280.782.100.305	-	-	280.782.100.305
Các khoản cho vay	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000
	<b>350.183.239.969</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>350.183.239.969</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.392.577.904	-	-	54.392.577.904
Phải thu khách hàng, phải thu khác	103.787.473.627	-	-	103.787.473.627
	<b>158.180.051.531</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>158.180.051.531</b>



**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	456.951.891.523	-	-	456.951.891.523
Phải trả người bán, phải trả khác	157.572.149.747	-	-	157.572.149.747
Chi phí phải trả	969.401.777	-	-	969.401.777
	<b>615.493.443.047</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>615.493.443.047</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	412.565.677.222	-	-	412.565.677.222
Phải trả người bán, phải trả khác	77.928.398.591	-	-	77.928.398.591
Chi phí phải trả	617.112.527	-	-	617.112.527
	<b>491.111.188.340</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>491.111.188.340</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nghị Quyết Hội đồng quản trị số 09/2017/NQ-HĐQT ngày 19/12/2017, Công ty công bố việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2017 như sau:

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;

Ngày đăng ký cuối cùng: 05/01/2018;

Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu;

Tỷ lệ thanh toán: 5%/ mệnh giá ( 500 đồng/cổ phiếu);

Ngày thanh toán: Ngày 09/02/2018;

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh các sản phẩm thép chiếm trên 90% tỷ trọng toàn bộ hoạt động của Công ty và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và sổ dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>		<b>973.165.878.110</b>	<b>557.027.392.642</b>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc	Công ty con	316.725.254.466	243.346.734.510
Công ty TNHH Thép Tây Nguyên	Công ty con	210.990.180.739	162.360.249.069
Công ty TNHH Một thành viên Thép Phúc Tiến	Công ty con	55.636.961.990	11.548.435.375
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con gián tiếp	33.741.034.714	12.300.378.419
Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Công ty con gián tiếp	14.406.415.263	-
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	341.666.030.938	127.471.595.269
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>850.539.004.757</b>	<b>677.497.300.123</b>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc	Công ty con	384.713.462.891	328.278.415.406
Công ty TNHH Thép Tây Nguyên	Công ty con	303.957.287.444	201.371.749.280
Công ty TNHH Một thành viên Thép Phúc Tiến	Công ty con	19.091.747.434	3.593.305.080
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con gián tiếp	4.123.573.116	8.345.497.009
Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Công ty con gián tiếp	5.050.466.835	-
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	133.602.467.037	135.908.333.348
<b>Lợi nhuận được chia</b>		<b>49.942.128.121</b>	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc	Công ty con	49.942.128.121	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng**

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>190.582.307.061</b>	<b>18.045.285.151</b>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc	Công ty con	33.667.451.246	-
Công ty TNHH Thép Tây Nguyên	Công ty con	-	4.514.868.890
Công ty TNHH Một thành viên Thép Phúc Tiến	Công ty con	34.627.908.858	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con gián tiếp	37.599.624.019	13.530.416.261
Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Công ty con gián tiếp	10.291.543.270	-
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	74.395.779.668	-
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>		<b>28.729.115.985</b>	<b>4.805.486.090</b>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc	Công ty con	22.426.757.271	-
Công ty TNHH Thép Tây Nguyên	Công ty con	3.636.214.733	-
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	2.666.143.981	4.805.486.090
<b>Phải thu khác</b>		<b>64.302.150</b>	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc	Công ty con	64.302.150	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		-	<b>8.934.862.779</b>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc	Công ty con	-	8.399.918.847
Công ty TNHH Một thành viên Thép Phúc Tiến	Công ty con	-	534.943.932
<b>Phải trả khác</b>		<b>98.246.471</b>	<b>92.284.471</b>
Công ty TNHH Một thành viên Thép Phúc Tiến	Công ty con	88.246.471	82.284.471
Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Công ty con gián tiếp	10.000.000	10.000.000
<b>Các khoản cho vay</b>		<b>2.500.000.000</b>	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Đại Phúc	Công ty con	2.500.000.000	-
<b>Các khoản vay</b>		<b>954.508.170</b>	<b>14.488.046.992</b>
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT	160.138.457	8.792.057.591
Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám Đốc	794.369.713	4.548.839.401
Công ty TNHH Thép Tây Nguyên	Công ty con	-	1.147.150.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban điều hành và Hội đồng Quản trị	2.576.919.438	2.801.402.819
Trong đó:		
Thu nhập của Tổng Giám đốc Công ty	607.500.000	607.500.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**35 . SỔ LIỆU SO SÁNH**

Sổ liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



**Đỗ Thị Kim Dung**  
Người lập



**Đào Thị Kim Loan**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Mạnh Hà**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

*Đồng Nai, ngày 01 tháng 03 năm 2018*

